

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 17-4-2018.

V/v kiện đòi nợ.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.
2. Ông Phạm Đức Toàn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:***  
Bà Vũ Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/TLST-DS ngày 23/11/2017 về việc: “Kiện đòi nợ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 29/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số 130, đường P, Phường 3, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh M – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn Gi – Giám đốc phòng giao dịch V – Ngân hàng TMCP A chi nhánh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1968

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 17, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Ông Trần Văn G có mặt tại, ông Nguyễn Đình H vắng mặt không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ và hồ sơ vay vốn của ông Nguyễn Đình H vay theo hình thức tín chấp thông qua xác nhận của Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Bình, ngày 16/3/2015 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Thái Bình – Phòng giao dịch V đã duyệt và cho ông Nguyễn Đình H vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, theo hình thức trả góp, lãi suất 8,5%/năm. Ông H có nghĩa vụ trả góp hàng tháng là 3.420.000 đồng (cả gốc và lãi) trong vòng 24 tháng bắt đầu từ ngày 16/4/2015, tuy nhiên ông H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình, cụ thể:

Từ tháng 4/2015 đến nay, ông H mới trả cho Ngân hàng số tiền là 38.049.006 đồng, trong đó trả gốc là 29.758.637 đồng, trả lãi là 8.290.333 đồng. Số tiền còn nợ là 43.850.994 đồng, trong đó nợ gốc là 40.241.327 đồng, nợ lãi là 3.609.667 đồng.

Do ông Nguyễn Đình H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên từ ngày ông không trả nợ Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, do đó tính đến ngày 30/10/2017, ông Hoàng còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 49.848.773 đồng, trong đó nợ gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 5.997.779 đồng.

Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần gửi thông báo đôn đốc, gọi điện nên đến tháng 3/2017 ông H đã trả 3.000.000 đồng, từ đó đến nay ông H không trả nợ nữa, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thời gian gần đây ông Hoàng trốn tránh, không gặp gỡ, giao tiếp với nhân viên Ngân hàng. Ông H đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP A theo cam kết đã ký, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Đình H phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi, cụ thể tính đến ngày 17/4/2018 là: Nợ gốc là 40.241.327đ, lãi trong hạn là 3.609.667đ, lãi quá hạn là 8.356.819đ. Tổng số tiền ông H phải trả Ngân hàng TMCP A là **52.207.813đ** (năm mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm mười ba đồng).

\*) Công an phường Q, thành phố T cho biết như sau:

Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1968 và gia đình có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 17, phường Q, thành phố T nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào cuối năm 2016 thì ông H và gia đình không còn cư trú tại địa chỉ trên nữa. Ông H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa chuyển khẩu đi nơi khác. Hiện nay ông H và gia đình cư trú ở đâu thì Công an phường không biết vì không thấy ai báo cáo gì.

\*) Ông Trần Văn Đ, tổ trưởng tổ 17, phường Q, thành phố T trình bày:

Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1968 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 17, phường Q, thành phố T. Từ tháng 9/2015 đến nay, ông H và gia đình không còn cư trú tại địa chỉ trên nữa, mặc dù chưa chuyển khẩu đi nơi khác, hiện nay ông H và gia đình cư trú ở đâu thì ông không biết, ngôi nhà trước đây ông H và gia đình cư trú hiện có người khác đang thuê ở.

\*) Ông Trần Mạnh K – Phó giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Bình trình bày:

Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1968 trước đây là cán bộ của Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Bình, ngày 10/3/2015 ông H có làm hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng TMCP A số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) với hình thức tín chấp bằng lương đã được ông là Phó giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Bình ký xác nhận vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của Ngân hàng A – chi nhánh Thái Bình. Đến ngày 16/9/2015, ông H bị bắt tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 06/2016/HS-ST ngày 16/3/2016 của TAND tỉnh Thái Bình đã xử phạt ông H 15 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015, đến ngày 15/12/2016, ông H chấp hành xong hình phạt tù. Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định xử lý kỷ luật viên chức số 01/QĐ-TTPY ngày 28/6/2016 buộc thôi việc đối với ông H. Từ đó đến nay ông không biết ông H và gia đình cư trú và sinh sống ở đâu, ngôi nhà của gia đình ông H tại tổ 17, phường Q, thành phố T đã bán cho người khác. Bố mẹ đẻ và anh em ruột của ông H không có ai cư trú tại thành phố T, họ cư trú ở đâu ông không biết.

\*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Nguyễn Đình H không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa là không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 24; 26; 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Luật thi hành án dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A: Xử buộc ông Nguyễn Đình H phải trả cho Ngân hàng TMCP A (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/4/2018) tổng số tiền là **52.207.813đ** (năm mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó: số tiền gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 8.356.819 đồng.

2. Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015.

- Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp có mặt đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 16/3/2015 Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Thái Bình – Phòng giao dịch V đã duyệt và cho ông Nguyễn Đình H vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, theo hình thức trả góp, lãi suất 8,5%/năm. Ông H có nghĩa vụ trả góp hàng tháng là 3.420.000 đồng (cả gốc và lãi) trong vòng 24 tháng bắt đầu từ ngày 16/4/2015 đến ngày 16/4/2017. Tuy nhiên ông H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình như đã ký kết, đến tháng 3/2017 ông H mới trả cho Ngân hàng số tiền là 38.049.006 đồng, trong đó trả gốc là 29.758.637 đồng, trả lãi là 8.290.333 đồng. Do ông Nguyễn Đình H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên từ ngày ông không trả nợ Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, do đó tính đến ngày 30/10/2017, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 49.848.773 đồng, trong đó nợ gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 5.997.779 đồng. Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần gửi thông báo đôn đốc, gọi điện nên nhưng ông H không trả nợ nữa, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thời gian gần đây ông H trốn tránh, không gặp gỡ, giao tiếp với nhân viên

Ngân hàng. Vì vậy, ông H đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP A theo cam kết đã ký được thể hiện trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015.

[3] Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Đình H phải trả cho Ngân hàng TMCP A (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/4/2018) tổng số tiền là **52.207.813đ** (năm mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó: số tiền gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 8.356.819 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP A, Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Đình H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký ngày 10/3/2015, thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới, không tiếp tục trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền, vi phạm cam kết của người vay. Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Đình H phải trả cho Ngân hàng TMCP A (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/4/2018) tổng số tiền là **52.207.813đ** (năm mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó: số tiền gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 8.356.819 đồng theo quy định tại điều 471; điều 474; điều 476; điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Nguyễn Đình H phải nộp 2.610.390 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều: 147; 203; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 471; điều 474; điều 476; điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điều 24; điều 26; điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Luật thi hành án dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A: Xử buộc ông Nguyễn Đình H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/4/2018) tổng số tiền là **52.207.813đ** (năm mươi hai triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó: số tiền gốc là 40.241.327 đồng, lãi trong hạn là 3.609.667 đồng, lãi quá hạn là 8.356.819 đồng.

2. Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/3/2015.

3. Về án phí:

3.1. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006776 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3.2. Ông Nguyễn Đình H phải nộp 2.610.390 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các đương sự;
- UBND P.Q, TP.T;
- Tổ 17, P.Q, TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**